

Bản án số: 86/2024/KDTM-ST
Ngày 30/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
điện và thuê máy biến thế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Tuấn.

2. Bà Phạm Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2023/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán điện và thuê máy biến thế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1937/2024/QĐXX-ST ngày 09/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2033/2024/QĐST-KDTM ngày 24/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng công ty Đ. Trụ sở: 35 đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Bùi Quang H sinh năm 1975. Địa chỉ liên lạc: 393 đường N, ấp A, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy uỷ quyền số 781/UQ-PCDH ngày 29 tháng 3 năm 2023 và giấy uỷ quyền số 568/UQ-EVNHCMM ngày 15/2/2022). (Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

Trụ sở: A M, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Mạnh T1, chức vụ: giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 27/12/2023 các biên bản tự khai, biên bản việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn Tổng công ty Đ ủy quyền cho ông Bùi Quang H trình bày:

Chi nhánh Tổng công ty Đ1 TNHH – Công ty Đ2 với Công ty trách nhiệm hữu hạn D có thuê bao hai (02) máy biến thế 400kVA để cấp điện phục vụ thi công tại Hợp đồng số: 1563/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 21/07/2016. Thuê này nhằm thực hiện gói thầu A4, dự án Cao tốc B - L, xã L, huyện N, TP .. Theo các phụ lục hợp đồng như sau: Phụ lục hợp đồng điều chỉnh số 01/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 06/09/2016; Phụ lục hợp đồng số 02/2017/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2017; Phụ lục hợp đồng số 03/2018/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2018; Phụ lục hợp đồng số 04/2019/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2019; Phụ lục hợp đồng số 05/2020/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 29/10/2020; Phụ lục hợp đồng số 06/2021/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 01/11/2021; Phụ lục hợp đồng số 07/2021/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 01/02/2022. Địa điểm thực hiện hợp đồng thuê bao hai (02) máy biến áp: Số G N, Ấp C, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Thuộc gói thầu A4, dự án Cao tốc B - L, xã L, huyện N, TP .).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn D còn nợ số tiền thuê bao hai (02) máy biến áp do không thanh toán từ năm 2019 đến năm 2022 với tổng số tiền là: 181.870.920 đồng. Cụ thể như sau: Năm 2019 và năm 2020 số tiền 115.473.600 đồng; Năm 2021 số tiền 14.434.200 đồng; Năm 2022 số tiền 51.963.120 đồng.

Tại phiên tòa ông H đại diện ủy quyền của Tổng công ty Đ yêu cầu buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải thanh toán cho nguyên đơn Tổng công ty Đ số tiền nợ là **181.870.920 đồng** trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng số: 1563/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 21/07/2016 và các phụ lục hợp đồng. Tổng công ty Đ TNHH không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện kể từ ngày chậm thực hiện cho đến ngày án có hiệu lực pháp luật, sau ngày án có hiệu lực pháp luật thì lãi theo quy định.

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D không có phần trình bày do bị đơn không đến Tòa án tiến hành các thủ tục tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nghe xét xử vụ án. Mặc dù đã tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét nguyên đơn Tổng công ty Đ với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D về tranh chấp Hợp đồng số: 1563/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 21/07/2016 và các phụ lục hợp đồng về mua bán điện và thuê bao hai (02) máy biến thế 400kVA để cấp điện phục vụ thi công tại địa điểm thực hiện hợp đồng thuê bao hai (02) máy biến áp số 71 N, áp C, xã L, huyện N, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 181.870.920 đồng. Mặc khác, nguyên đơn và bị đơn tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng ở huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D đến Tòa án để giải quyết, xét xử nhưng bị đơn vẫn không đến, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D.

[2] Xét yêu cầu nguyên đơn Tổng công ty Đ yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải thanh toán số tiền 181.870.920 đồng trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Tổng công ty Đ TNHH không yêu cầu tính lãi chậm thực hiện kể từ ngày chậm thực hiện cho đến ngày án có hiệu lực pháp luật, sau ngày án có hiệu lực pháp luật thì lãi theo quy định.

[2.1] Xét Hợp đồng số: 1563/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 21/07/2016; Phụ lục hợp đồng điều chỉnh số 01/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 06/09/2016; Phụ lục hợp đồng số 02/2017/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2017; Phụ lục hợp đồng số 03/2018/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2018; Phụ lục hợp đồng số 04/2019/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2019; Phụ lục hợp đồng số 05/2020/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 29/10/2020; Phụ lục hợp đồng số 06/2021/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 01/11/2021; Phụ lục hợp đồng số 07/2021/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 01/02/2022 giữa nguyên đơn với bị đơn thực hiện thuê bao hai (02) máy biến thế 400kVA để cấp điện phục vụ thi công gói thầu A4, dự án Cao tốc B - L, xã L, huyện N là hợp đồng có hiệu lực pháp. Trong quá trình thực hiện nguyên đơn Tổng công ty Đ đã thực hiện giao (02) máy biến thế 400kVA tại công trường và hòa lưới điện sử dụng còn nợ số tiền thuê bao hai (02) máy biến áp do không thanh toán từ năm 2019 đến năm 2022 với tổng số tiền là: 181.870.920 đồng. Cụ thể như sau: Năm 2019 và năm 2020 số tiền 115.473.600 đồng; Năm 2021 số tiền 14.434.200 đồng; Năm 2022 số tiền 51.963.120 đồng. Cho nên những chứng cứ tại Tòa cho thấy phía bị đơn chưa thanh toán số 181.870.920 đồng trong Hợp đồng số: 1563/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 21/07/2016 và các Phụ lục hợp đồng.

[2.2] Xét nguyên đơn Tổng công ty Đ không yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn D tính lãi chậm thực hiện kể từ ngày chậm thực hiện cho đến ngày án có hiệu lực pháp luật, sau ngày án có hiệu lực pháp luật thì lãi theo quy định. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải có trách nhiệm hoàn trả cho Tổng công ty Đ TNHH số tiền 181.870.920 đồng trong Hợp đồng số: 1563/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 21/07/2016 và các Phụ lục hợp đồng thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016. Xét án phí sơ thẩm kinh doanh, thương mại bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D có giá ngạch 9.093.546 đồng do chấp nhận yêu cầu nguyên đơn phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 181.870.920 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 35; Điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 68; Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 147; Điều 157; Điều 192; Điều 217; Điều 225; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 269; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn Tổng công ty Đ buộc phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D thực hiện trả số tiền 181.870.920 đồng cho Tổng công ty Đ trong Hợp đồng số: 1563/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 21/07/2016; Phụ lục hợp đồng điều chỉnh số 01/2016/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 06/09/2016; Phụ lục hợp đồng số 02/2017/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2017; Phụ lục hợp đồng số 03/2018/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2018; Phụ lục hợp đồng số 04/2019/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 10/08/2019; Phụ lục hợp đồng số 05/2020/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 29/10/2020; Phụ lục hợp đồng số 06/2021/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 01/11/2021; Phụ lục hợp đồng số 07/2021/HĐ-PCDH-ĐMK ngày 01/02/2022. Việc giao trả tiền nêu trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật được thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận Tổng công ty Đ không yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn D tính lãi chậm thực hiện kể từ ngày chậm thực hiện cho đến ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp chủ động thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (trường hợp thi hành theo đơn yêu cầu) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu án phí kinh tế thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 9.093.546 đồng (Chín triệu không trăm chín mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi sáu đồng) tại nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Tổng công ty Đ là 4.546.773 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0007865 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè
- Thi Hành Án huyện Nhà Bè
- Đương sự
- Lưu (Hồ sơ, Vp ...)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hồng